

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/3/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hoài Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lã Văn Luật
2. Bà Nông Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân T phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng:**  
Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Thẩm Thị T - sinh năm 1986;

HKTT: Xóm Đông Mu, Thị trấn Thanh Nhật, huyện H, tỉnh Cao Bằng;  
Chỗ ở hiện nay: Tổ 09, phường Đ, T phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Hoàng Trung T - sinh năm 1983;

HKTT: Xóm Đông Mu, Thị trấn Thanh Nhật, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Tạm trú: Tổ 16, phường S, T phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Thẩm Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Trung T đăng ký kết hôn ngày 02/7/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Nhật, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xóm Đông Mu, thị trấn Thanh Nhật, huyện H, tỉnh

Cao Bằng, đến năm 2016 bố mẹ chồng mua nhà và chuyển đến sinh sống tại tổ 16, phường S, T phố Cao Bằng, sau đó lại bán nhà và chuyển đến sống tại tổ 09, phường Đ, T phố Cao Bằng đến nay.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T ham chơi, vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù. Đến năm 2015 chồng chị chấp hành án xong, trở về địa phương sinh sống, đến năm 2017 lại bị kết án tù chung thân. Quá trình mâu thuẫn hai bên gia đình biết và khuyên bảo, đóng góp ý kiến, tuy nhiên hai vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 (khi anh T đi chấp hành án) đến nay. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Quỳnh A - sinh ngày 19/9/2009 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu đang sống với chị T và bố mẹ chồng tại tổ 09, phường Đ, thành phố Cao Bằng. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Trung T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn anh T có ý kiến nhất trí ly hôn nhưng việc nuôi con anh đề nghị Tòa án cho cháu tiếp tục được ở với gia đình anh T để bố mẹ anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì cháu ở với ông bà từ bé.

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 24/12/2021 anh T cho biết vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2022, tổ trưởng tổ 09, phường Đ, thành phố Cao Bằng cho biết anh T và chị T có quan hệ vợ chồng. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống tại tổ dân phố bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2022, cháu Hoàng Quỳnh A cho biết hiện nay cháu đang sống với mẹ tại tổ 09, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, nguyện vọng của cháu là sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn vì mẹ là người chăm sóc, dạy bảo cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm. Quan điểm của việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thẩm Thị T. Việc nuôi con chung: sau khi ly hôn giao con chung cho chị Thẩm Thị T là người trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Thẩm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Trung T có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Xét thấy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thẩm Thị T và anh Hoàng Trung T đăng ký kết hôn ngày 02/7/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T 02 lần phải đi chấp hành án do vi phạm pháp luật hình sự. Quá trình mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 (lần 2 anh T đi chấp hành án). Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T cũng nhất trí ly hôn chị T, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Hoàng Quỳnh A - sinh ngày 19/9/2009 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu

đang sống với chị T. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị T đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét thấy hiện nay anh T đang chấp hành án tù chung thân nên không có điều nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, còn chị T đang là viên chức, có thu nhập ổn định, tại biên bản lấy lời khai cháu Quỳnh A có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó, cần giao cháu Quỳnh A cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T đều xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thẩm Thị T. Xử cho chị Thẩm Thị T được ly hôn anh Hoàng Trung T.

- Về con chung: Giao con chung Hoàng Quỳnh A - sinh ngày 19/9/2009 (giới tính: Nữ) cho chị Thẩm Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thẩm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003027 ngày 13/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Hoài Phương**